

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2024/DS – ST**
Ngày: 20-02-2024
V/v Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-DS ngày 10/10/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-DS ngày 25/12/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 04/01/2024 và số 03/TB-TA ngày 25/01/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lam P, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 3 Khu phố H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 90, khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979. Địa chỉ: H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Lam P trình bày:

Ngày 13/12/2022, ông Phạm Văn C vay của bà P số tiền 80.000.000đ. Việc vay mượn có viết giấy tay “Giấy mượn tiền” và ông C ký tên xác nhận “Người mượn”. Đến ngày 10/4/2023, ông C vay thêm số tiền 20.000.000đ, được viết thêm vào giấy tay trên. Tổng số tiền 02 lần vay là 100.000.000đ.

Thời hạn vay tiền là 01 tháng kể từ ngày vay tiền nhưng bà P không ghi phần thỏa thuận về thời hạn này trong giấy mượn tiền mà chỉ thỏa thuận miệng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau khi ký hợp đồng vay bà P đã giao cho ông C số tiền tổng cộng như trên. Đến hạn, ông C chưa trả được tiền gốc cho bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu ông C phải trả tổng cộng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Ông C có vợ nhưng bà P chỉ cho ông C vay số tiền này, do vậy bà P không yêu cầu vợ ông C phải trả số tiền này mà chỉ yêu cầu mình ông C trả. Bà P có chồng là ông Nguyễn Thanh B, đây là tài sản riêng của bà P trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan gì đến ông B. Bà P yêu cầu không đưa vợ ông C và chồng bà P là ông B tham gia vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông Phạm Văn C:

Ông C đã được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự tố tụng dân sự nhưng ông C không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án

Theo biên bản hòa giải và bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông B là chồng của bà P, việc bà P cho ông C vay tổng số tiền 100.000.000 đồng ông B có biết. Ông B xác nhận đây là tài sản riêng của bà P trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan đến ông B. Nay về yêu cầu khởi kiện của bà P, ông B không có ý kiến hay yêu cầu gì với vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị không xác định ông tham gia vụ án với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà P yêu cầu ông C phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến thu thập chứng cứ và hòa giải. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do bà P cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà, buộc ông C phải trả cho bà P số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Lam P và bị đơn ông Phạm Văn C được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Các đương sự đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn C có địa chỉ tại Số 90, khu phố Tường Thanh, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ cho thấy ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: “Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”. Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem như ông C cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại tại Số 90, khu phố Tường Thanh, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà P xác định do quen biết với ông C nên ngày 13/12/2022 đã cho ông C vay số tiền 80.000.000đ, ngày 10/4/2023 cho ông C vay số tiền 20.000.000đ. Tổng cộng ông C đã vay 100.000.000đ và nhận đủ số tiền trên từ bà P. Việc vay tiền có làm thành “Giấy mượn tiền” do bà P viết và ông C ký tên. Thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tuy nhiên ông C không thực hiện thỏa thuận, khi bà P yêu cầu trả tiền thì ông C lẩn tránh. Lời khai này phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà P, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để ông C đến Tòa án làm việc nhưng ông C đều vắng mặt. Do đó, việc bà P khởi kiện yêu cầu ông C phải thanh toán tiền nợ gốc còn nợ tổng là 100.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho bà P theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lam P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

1. Buộc ông Phạm Văn C thanh toán cho Phạm Thị Lam P số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn C phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Lam P số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010475 ngày 28/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG